

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1672/GPMT-UBND

Vĩnh Long, ngày 17 tháng 7 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Trại thực nghiệm thủy sản”;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Chi nhánh R&D Công ty TNHH De Heus tại Vĩnh Long số 02/GPMT ngày 20/6/2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2802/TTr-STNMT ngày 22 tháng 6 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Chi nhánh R&D Công ty TNHH De Heus tại Vĩnh Long, địa chỉ tại: Ấp An Hương 1, xã Mỹ An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trại thực nghiệm thủy sản”, địa điểm cơ sở: Tổ 29, ấp An Hương 1, xã Mỹ An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trại thực nghiệm thủy sản.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ 29, ấp An Hương 1, xã Mỹ An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh: 3701091716-011 đăng ký lần đầu ngày 30/10/2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 29/10/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

1.4. Mã số thuế: 3701091716-011.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nuôi thực nghiệm thủy sản; sản xuất điện mặt trời mái nhà.



1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích thực hiện của cơ sở là 57.238,9 m<sup>2</sup>.
- Tổng vốn đầu tư: 72.000.000.000 đồng (*Bảy mươi hai tỷ đồng*) (gồm chi phí lắp đặt các tấm pin năng lượng mặt trời mái nhà và chi phí đầu tư khu thực nghiệm thủy sản).
- Công suất hoạt động của cơ sở:
  - + Hoạt động nuôi thực nghiệm thủy sản:
    - Các loại thủy sản nước ngọt như: Éch, cá lóc, cá rô phi, cá điêu hồng, cá tra, chạch lấu, tôm càng xanh,... 600 tấn/năm.
    - Các loại thủy sản nước lợ như: Tôm sú, tôm thẻ, cá chình,... 1,5 tấn/năm.
  - + Sản xuất điện mặt trời mái nhà: 284 tấm pin x 395 Wp/tấm pin = 112.180 Wp (112,18 kWp).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải vào rạch công cộng rồi chảy ra sông Cổ Chiên và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh R&D Công ty TNHH De Heus tại Vĩnh Long có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, bụi, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.



**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 17. tháng 7 năm 2023 đến ngày 17. tháng 7 năm 2033).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Chủ cơ sở;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Mang Thít;
- Công TTĐT của UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 4.16.05.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature)*

**Nguyễn Văn Liệt**

*(Vertical handwritten red stamp)*

STT	Chỉ số ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn (Theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, K <sub>1</sub> =0,9 và K <sub>2</sub> =1,0))
1	chl		5-9
2	NO <sub>2</sub>	mg/l	27
3	CO <sub>2</sub>	mg/l	67,5
4	Chỉ số độ đục	đvt	15
5	Amoni (theo N)	mg/l	4,5
6	Tổng cacbon	mg/l	18



**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1672/GPMT-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt.
- Nước thải từ hoạt động nuôi thực nghiệm thủy sản.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Rạch Cồn An Hương.

**2.2. Vị trí xả nước thải:** Nước thải sau xử lý thải ra rạch Cồn An Hương qua 2 điểm xả. Toạ độ (Theo hệ toạ độ VN:2000, kinh tuyến trục  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu 3<sup>0</sup>) từng điểm xả như sau:

- Điểm xả 1 (công 1- xả nước thải thường xuyên khi thay nước định kỳ và khi chuẩn bị cho vụ nuôi mới, phía rạch Cồn An Hương): X = 1133301, Y = 557982.
- Điểm xả 2 (công 2 – xả nước thải khi có cải tạo ao, phía rạch Cồn An Hương): X = 1133299, Y = 557997.

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:**

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng xả nước thải tối đa  $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  (được xử lý bằng hầm tự hoại).
- Nước thải từ hoạt động nuôi thực nghiệm thủy sản: lượng nước thải phát sinh tối đa  $1.665 \text{ m}^3/\text{ngày}$ , được thu gom, xử lý bằng ao sinh học trước khi thải ra môi trường (rạch Cồn An Hương).

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:** Tự chảy.

**2.3.2. Chế độ xả nước thải:** Liên tục.

**2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT (cột A,  $K_q=0,9$  và  $K_f=1$ )), cụ thể như sau:**

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (Theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q=0,9$ và $K_f=1,0$ ))
1	pH	-	6 – 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	27
3	COD	mg/l	67,5
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5
6	Tổng nito	mg/l	18



7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,6
8	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- *Nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom bằng ống nhựa PVC φ 114 dài khoảng 4m và PVC φ 90 dài khoảng 6m vào 2 hầm tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích 6 m<sup>3</sup> (3 m<sup>3</sup>/hầm) để xử lý.

- *Nước thải phát sinh từ hoạt động nuôi thực nghiệm thủy sản*:

+ Nước thải từ các bể nổi nuôi thủy sản nước ngọt, nước lợ trong nhà: Các bể nuôi thủy sản nước ngọt và nước lợ không thay nước, nước được sử dụng tuần hoàn sau khi qua hệ thống xử lý nước tuần hoàn.

+ Nước thải từ các ao và bể nổi ngoài trời nuôi thủy sản nước ngọt: Nước thải phát sinh xử lý tại ao lắng nước thải được bơm vào ao sinh học, sau đó xả vào rạch Cồn An Hương.

- *Nước vệ sinh các tấm pin năng lượng mặt trời (cách thức vệ sinh thủ công)*: Tổng cộng tại cơ sở có 284 tấm pin, được vệ sinh trong ngày, khoảng 3 tháng vệ sinh 1 lần. Khi vệ sinh Công ty sẽ sử dụng nước sạch phun lên các tấm pin, sau đó lau trực tiếp bằng thiết bị chuyên dụng nên lượng nước phát sinh rất ít, lượng nước sử dụng để vệ sinh các tấm pin khoảng 1 lít/1 tấm pin/1 lần vệ sinh (mỗi lần vệ sinh 1 tấm pin, vệ sinh trong ngày), tổng lượng nước vệ sinh tấm pin khoảng 0,3 m<sup>3</sup>/ngày, lượng nước này ít, tự bốc hơi.

- *Nước thải từ hoạt động kiểm nghiệm*: Công ty thu gom vào thùng chứa, lưu trữ tại kho CTNH và hợp đồng đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyên, xử lý cùng CTNH khác của cơ sở.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- *Trong thời gian nuôi thủy sản*:

+ Đối với các bể nổi nuôi thủy sản nước ngọt, nước lợ trong nhà: Các bể nuôi thủy sản nước ngọt và nước lợ không thay nước, nước được sử dụng tuần hoàn sau khi qua hệ thống xử lý nước tuần hoàn. Tại cơ sở hiện có 10 hệ thống xử lý nước tuần hoàn, khi nuôi thực nghiệm thủy sản nước lợ sẽ đầu tư thêm 3 hệ thống xử lý nước tuần hoàn. Các hệ thống này có quy trình công nghệ xử lý giống nhau, cụ thể như sau:

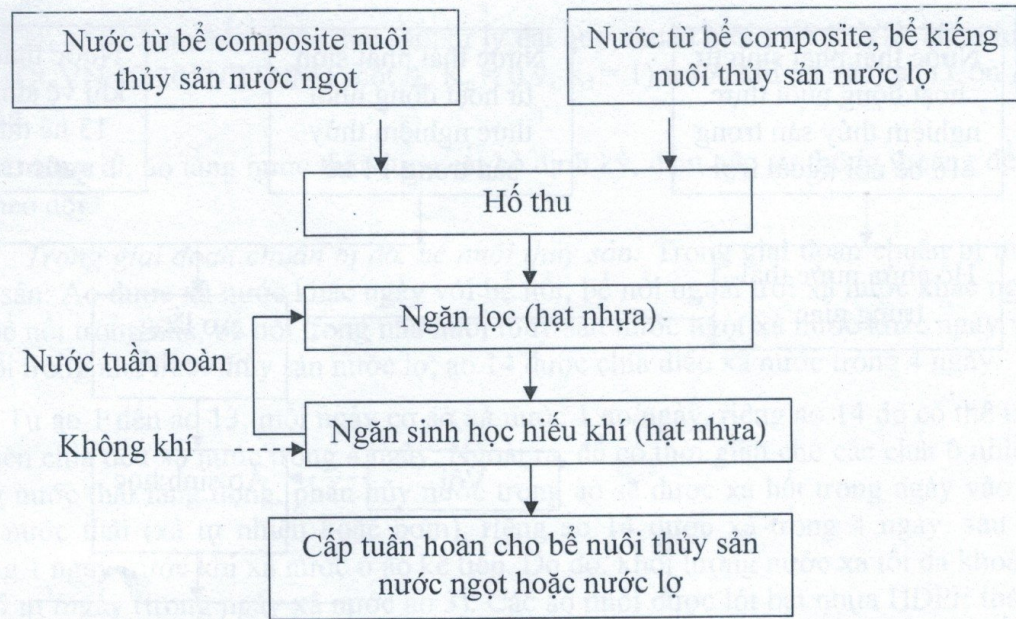
Số lượng hệ thống xử lý nước tuần hoàn: 13 (hiện tại 10, dự kiến đầu tư thêm 3).

Biện pháp xử lý: Lý – Sinh.

Công suất xử lý: 50 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống.

Quy trình xử lý:





**Thuyết minh:** Đầu tiên nước từ các bể nuôi thủy sản nước ngọt hoặc nước lợ được xả định lượng xuống rãnh thu gom nước vào hố thu (mỗi hệ thống có rãnh thu gom nước và hố thu riêng). Tại hố thu, nước được bơm vào ngăn lọc. Tại ngăn này có chứa hạt nhựa làm giá thể cho vi sinh phát triển, giúp nâng cao khả năng xử lý các chất ô nhiễm trong nước thải và giúp lọc các chất rắn lơ lửng trôi ra theo nước thải, sau đó nước chảy qua ngăn xử lý hiếu khí.

Tại đây các chất ô nhiễm được các vi sinh vật hiếu khí hấp thụ và chuyển hoá. Để đảm bảo điều kiện thông khí, không khí được đưa vào ngăn này bằng máy thổi khí. Nước sau đó được mô tơ bơm cấp một phần cho bể nuôi thủy sản nước ngọt hoặc nước mặn, một phần được hoàn lưu ngược lại ngăn lọc để tiếp tục xử lý.

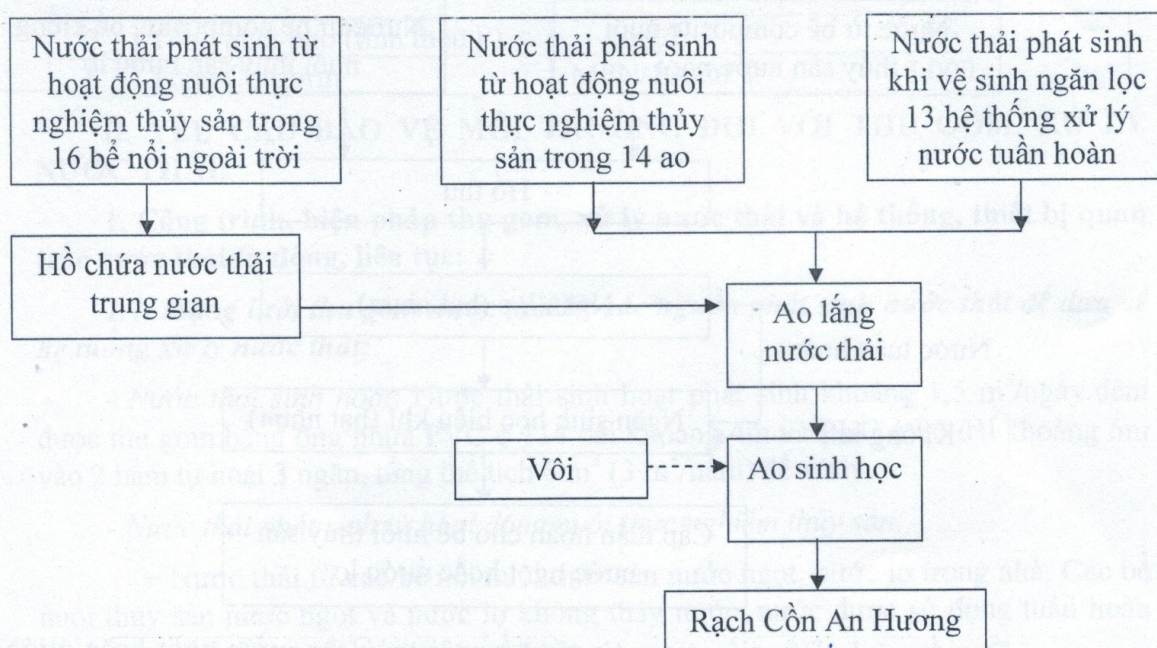
Công ty sử dụng hệ thống xử lý nước tuần hoàn chủ yếu để loại bớt chất rắn lơ lửng, giảm hàm lượng nitơ và các chất ô nhiễm khác (như chất hữu cơ) có trong nguồn nước bể nuôi.

Hệ thống xử lý nước tuần hoàn khoảng 3 – 7 ngày được Công ty sử dụng nước sạch (nước ngọt) vệ sinh 1 lần (vệ sinh vật liệu lọc (hạt nhựa) tại ngăn lọc của hệ thống), mỗi lần vệ sinh được thực hiện trong ngày và sử dụng khoảng 0,5 m<sup>3</sup> nước/hệ thống, tổng cộng khoảng 6,5 m<sup>3</sup>/13 hệ thống. Nước thải phát sinh khi vệ sinh tương đương lượng nước cấp rửa lọc, khoảng 6,5 m<sup>3</sup>/lần vệ sinh/ngày, được thu gom vào ao lắng nước thải xử lý.

Ngoài ra, trước khi rửa lọc, nước tại ngăn lọc được bơm qua ngăn sinh học hiếu khí, nên nước thải phát sinh khi rửa lọc bị ô nhiễm chủ yếu do chất rắn lơ lửng, ít bị ảnh hưởng bởi độ mặn khi vệ sinh các hệ thống xử lý nước tuần hoàn từ hoạt động nuôi thực nghiệm thủy sản nước lợ.

+ Đối với các ao và bể nổi ngoài trời nuôi thủy sản nước ngọt: Nước thải phát sinh khoảng 530 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom, xử lý như sau:





#### Thuyết minh:

Toàn bộ ao, bể nuôi thực nghiệm thủy sản của cơ sở được sục khí để đảm bảo nồng độ oxy hòa tan luôn  $>5$  mg/l cũng như tạo môi trường thông thoáng, hạn chế khí độc ( $\text{NH}_3$ ,  $\text{H}_2\text{S}$ ,...) tích tụ. Việc sục khí vào nguồn nước ao nuôi giúp nguồn nước trong ao nuôi được sạch, ít ô nhiễm.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động nuôi thực nghiệm thủy sản trong 16 bể nổi ngoài trời được thay nước hàng ngày, lượng nước thay chiếm khoảng 3% khối lượng nước trong từng bể. Đầu tiên được thu gom vào hồ chứa nước thải trung gian. Hồ này có thể tích khoảng  $102 \text{ m}^3$ , lót bạt nhựa HDPE để chống thấm. Nước thải sau đó theo ống dẫn chảy vào ao lắng nước thải.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động nuôi thực nghiệm thủy sản trong 14 ao được thay nước hàng ngày, lượng nước thay chiếm khoảng 3% khối lượng nước trong từng ao. Đầu tiên được thu gom vào ao lắng nước thải.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh ngăn lọc 13 hệ thống xử lý nước tuần hoàn (hiện tại 10 hệ thống, khi các bể nuôi thực nghiệm thủy sản nước mặn hoạt động sẽ thêm 3 hệ thống). Đầu tiên được thu gom vào ao lắng nước thải.

Ao lắng nước thải có thể tích chứa khoảng  $10.500 \text{ m}^3$ , tổng khối lượng nước thải nuôi thực nghiệm thủy sản khoảng  $536,5 \text{ m}^3$ , được trữ tại đây từ 7 đến 10 ngày, sau đó được bơm vào ao sinh học, khử trùng bằng vôi bột trước khi xả vào rạch Cồn An Hương qua cống 1.

Công ty sử dụng vôi bột pha thành dung dịch, tạt đều xuống ao sinh học để diệt vi sinh. Sau tạt khoảng 2 giờ, xả nước từ ao này vào rạch. Khối lượng vôi sử dụng khoảng 100 kg/lần sử dụng.

Ngoài ra, tại ao sinh học Công ty có nuôi thủy sinh thực vật (lục bình, rau mát, rau muống,...) để nâng hiệu quả xử lý nước thải. Thủy sinh thực vật được duy trì khoảng 50% diện tích ao, định kỳ mỗi tháng 1 lần Công ty phân công nhân viên thu gom bớt thủy sinh thực vật đắp gốc cây trồng trong khuôn viên cơ sở.



Chủ cơ sở cam kết, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A,  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1$ ) trước khi xả vào rạch Cồn An Hương.

Đường đi, ao lắng nước thải được cắt cỏ định kỳ, đảm bảo sự thông thoáng để đi lại, theo dõi.

- Trong giai đoạn chuẩn bị ao, bể nuôi thủy sản: Trong giai đoạn chuẩn bị nuôi thủy sản: Ao được xả nước khác ngày với bể nổi; bể nổi ngoài trời xả nước khác ngày với bể nổi trong nhà, bể nổi trong nhà nuôi thủy sản nước ngọt xả nước khác ngày với bể nổi trong nhà nuôi thủy sản nước lợ; ao 14 được chia đều xả nước trong 4 ngày.

Từ ao 1 đến ao 13, mỗi ngày cơ sở xả nước 1 ao/ngày, riêng ao 14 do có thể tích lớn nên chia đều xả nước trong 4 ngày. Ngoài ra, để có thời gian cho các chất ô nhiễm trong nước thải lắng đọng, phân hủy nước trong ao sẽ được xả hết trong ngày vào ao lắng nước thải (xả tự nhiên hoặc bơm), riêng ao 14 được xả trong 4 ngày, sau đó ngưng 1 ngày trước khi xả nước ở ao kế tiếp. Do đó, khối lượng nước xả tối đa khoảng  $1.665 \text{ m}^3/\text{ngày}$  (trong ngày xả nước ao 3). Các ao nuôi được lót bạt nhựa HDPE thành và đáy, chủ cơ sở bơm nước tại ao đang xả nước phun xịt lên thành và đáy ao để vệ sinh nên không làm phát sinh thêm nước thải khi vệ sinh ao.

16 bể nổi ngoài trời được xả nước trong ngày, lượng nước xả tối đa  $800 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

111 bể nổi trong nhà nuôi thủy sản nước ngọt được xả nước trong ngày, lượng nước xả tối đa  $83,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

134 bể nổi trong nhà nuôi thủy sản nước lợ được xả nước trong ngày, lượng nước xả tối đa  $131,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

Do đó, khối lượng nước thải trong giai đoạn này tối đa là  $1.665 \text{ m}^3/\text{ngày}$  (trong ngày xả nước ao 3).

Toàn bộ nước thải này được cơ sở thu gom vào ao lắng nước thải xử lý tại đây trong thời gian tối thiểu 1 ngày trước khi bơm vào ao sinh học, khử trùng, xả vào rạch Cồn An Hương như cách xử lý nước thải trong thời gian nuôi thủy sản. Riêng nước thải từ 16 bể nổi ngoài trời được xả vào ao chứa nước thải trung gian trước khi chảy vào ao lắng nước thải.

Cơ sở có 02 điểm xả nước thải từ ao sinh học ra rạch Cồn An Hương. Tuy nhiên, từ thời điểm cơ sở hoạt động đến giờ chỉ xả qua 1 điểm xả (cống 1), điểm xả còn lại (cống 2) chỉ để sử dụng khi cần cải tạo ao sinh học, bình thường không sử dụng.

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:** Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

**1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:** Không có.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở được tóm tắt qua bảng sau:

STT	Tên công trình xử lý ô nhiễm	Thời gian vận hành thử nghiệm	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Công trình xử lý nước thải	07/2023	12/2023



- Công suất dự kiến đạt được của cơ sở tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm 100%.

**2.2. Kế hoạch quan trắc nước thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Tần suất giám sát: 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải sau xử lý tại ao sinh học trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là rạch Cồn An Hương. Tọa độ (Theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ): X= 557989; Y= 1133332.

- Thông số lấy mẫu: pH, BOD<sub>5</sub> (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng (SS), Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P) và Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn hiện hành QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, K<sub>q</sub>=0,9, K<sub>f</sub>= 1.

\* **Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:** Đơn vị được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

**3.1.** Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả vào rạch Cồn An Hương.

**3.2.** Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Không có

**3.3.** Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Không có.



## Phụ lục 2

### BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1672/GPMT-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN:

##### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông (tại nơi để xe): Nhà xe 1; Nhà xe 2.
- Khu vực máy phát điện.
- Khu trạm bơm nước cấp (trạm chính).
- Khu trạm bơm nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn: Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn (Theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

- Hoạt động của các phương tiện giao thông (tại nơi để xe):

+ Nhà xe 1: X = 1133391, Y = 557796.

+ Nhà xe 2: X = 1133332, Y = 557887.

- Khu vực máy phát điện: X=1133412, Y=557784.
- Khu trạm bơm nước cấp (trạm chính): X = 1133480, Y = 557979.
- Khu trạm bơm nước thải: X = 1133369, Y = 557949.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng	Giá trị giới hạn, dBA (Theo QCVN 26:2010/BTNMT, khu vực thông thường)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

##### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Đề nghị bên cung cấp nguyên liệu, bên vận chuyển sản phẩm không bấm còi, rú ga phương tiện giao thông khi neo đậu làm việc tại cơ sở.
- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị phục vụ sản xuất và lắp bộ hãm thanh cho máy phát điện, máy bơm bùn.
- Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên cơ sở.

##### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1672/GPMT-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long).*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
<b>I</b>	<b>Hoạt động nuôi thực nghiệm thủy sản</b>			<b>142</b>
1	Bao bì nhựa cứng thải (chai lọ chứa hóa chất kiểm nghiệm)	Rắn	18 01 03	3
2	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (chai lọ chứa hóa chất kiểm nghiệm)	Rắn	18 01 04	2
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử thải (bóng đèn led thải,...)	Rắn	16 01 13	8
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (dầu nhớt thải)	Rắn	17 02 03	3
5	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt thải)	Rắn	18 02 01	4
6	Dịch kiểm nghiệm thải (gồm nước vệ sinh)	Lỏng	19 05 02	120
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	2
<b>II</b>	<b>Hoạt động sản xuất điện năng lượng mặt trời mái nhà</b>			<b>25,5</b>
8	Pin mặt trời thải (Tấm quang năng thải)	Rắn	19 02 08	25,5

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Nguồn gốc	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì chứa thức ăn	Nuôi thủy sản	1.500
2	Xác thủy sản chết không do dịch bệnh	Nuôi thủy sản	500
3	Bao bì chứa thuốc sát khuẩn, khử trùng	Nuôi thủy sản	20
4	Bao bì ni lông, carton, giấy,...	Hoạt động văn phòng, kiểm nghiệm,...	5
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.025</b>
5	Bùn từ các khu nuôi thủy sản (do các khu nuôi cá có sục khí nên khối lượng bùn lắng ít; khoảng 0,05 m/năm)	Nuôi thủy sản	500
6	Bùn từ ao chứa nước thải trung gian và từ ao lắng nước thải 1 và 2 (có chiều dày khoảng 0,05 m/năm)	Xử lý nước thải	250
7	Bùn lắng tại ao chứa nước cấp 1 và 2 (có chiều dày khoảng 0,05 m/năm)	Xử lý nước cấp	560
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.810</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:** Khoảng 5 kg/ngày.



## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: 11 thùng chứa có nắp đậy (có dung tích từ gồm 4 thùng 120 lít đến 200lít/thùng).

- Kho chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích: 8 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Mái tôn, nền xi măng, vách tường tôn và có cửa kín.

\* *Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất điện mặt trời mái nhà:*

- Đối với các tấm pin bị hư hỏng do sự cố ngoài ý muốn (khoảng 1 tấm/năm, tương đương khoảng 25,5 kg/năm) khi phát sinh sẽ được thu gom, lưu chứa tạm tại cơ sở (nơi lưu chứa có nền bê tông, có mái che, che chắn xung quanh bằng bạt.) và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất điện năng lượng mặt trời mái nhà có khi không có tấm pin nào bị hư trong năm.

- Đối với chất thải nguy hại là các tấm pin định kỳ thay thế khi hết hạn sử dụng (khoảng 7.242 kg) Công ty sẽ thuê đơn vị chức năng (là đơn vị được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc) để lấy mẫu, phân tích xác định thành phần nguy hại:

+ Trường hợp kết quả phân tích mẫu có ít nhất một thông số vượt ngưỡng nguy hại thì Pin mặt trời thải đó được xác định là chất thải nguy hại, chủ cơ sở sẽ quản lý theo quy định về chất thải nguy hại.

+ Trường hợp kết quả phân tích có các thông số dưới ngưỡng nguy hại, thì Pin mặt trời thải được xác định là chất thải thông thường. Từ đó, chủ cơ sở sẽ quản lý chất thải này theo quy định đối với chất thải thông thường.

Việc thay thế các tấm pin khi hết hạn sử dụng, chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý đúng theo quy định.

\* *Đối với xác thủy sản chết do dịch bệnh:* Chủ cơ sở xử lý theo quy định của ngành thú y tại khu xử lý xác thủy sản chết.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Thiết bị lưu chứa: Thu gom vào bao ni lông, buộc kín miệng.

- Kho phế liệu (kho chứa rác thải công nghiệp thông thường):

+ Diện tích: 36 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách tường, mái tôn, nền xi măng, khung cột bê tông cốt thép.

- Biện pháp thu gom, xử lý:

+ *Xác thủy sản chết không do dịch bệnh:* Phân công nhân viên thường xuyên theo dõi thủy sản nuôi tại cơ sở để kịp thời thu gom xác thủy sản nhằm tránh gây ô nhiễm chéo và ô nhiễm môi trường. Xác thủy sản sau khi thu gom được chôn lấp tại khu vực xử lý xác thủy sản trong khuôn viên của cơ sở theo đúng quy định.



+ *Bùn lắng tại các ao nuôi thủy sản, ao chứa nước thải trung gian và ao lắng nước thải 1 và 2:* Tại cơ sở có bố trí ao chứa bùn, ao này có diện tích khoảng 1.000 m<sup>2</sup>, sâu 3,5m. Bùn tại ao nuôi thủy sản và các ao lắng nước thải được định kỳ bơm hút vào ao chứa bùn ổn định. Bùn tại ao chứa bùn là chất thải thông thường nên được để khô, sử dụng gia cố bờ bao cơ sở hoặc hợp đồng đơn vị có chức năng bơm hút đi xử lý theo quy định.

+ *Bùn lắng tại ao chứa nước cấp 1 và 2:* Được cơ sở định kỳ bơm lên khu trồng cây xanh, trong khuôn viên cơ sở. Nước tách bùn được thu gom vào ao chứa bùn.

+ *Bao bì chứa thức ăn, chứa thuốc kháng khuẩn, sát trùng, bao bì ni lông, carton, giấy, ...:* Được thu gom riêng, lưu trữ tại kho chứa rác thải công nghiệp thông thường, hợp đồng đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: 1 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, thể tích 660 lít/thùng.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích khu vực lưu chứa (khu vực để thùng chứa rác): 4m<sup>2</sup>

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền xi măng.

### **2.4. Giám sát tổng lượng chất thải rắn:**

- *Chất thải rắn thông thường:* Theo dõi, giám sát việc thu gom chất thải rắn vào nơi chứa; lưu giữ hợp đồng hoặc chứng từ hoặc giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao chất thải rắn cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- *Chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại được phân định, phân loại trước khi đưa vào khu vực lưu trữ chất thải nguy hại; Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; Lưu giữ hợp đồng, liên chứng từ CTNH, cập nhật thành phần, chủng loại, khối lượng CTNH vào báo cáo định kỳ và quản lý CTNH theo quy định hiện hành (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

**3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:** Không.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Phòng chống sự cố cháy, nổ:**

- Chủ cơ sở định kỳ có tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC theo quy định, tại cơ sở có trang bị đầy đủ các dụng cụ PCCC đúng theo quy định ở nơi dễ nhìn thấy, dễ sử dụng. Cụ thể như:

+ Trang bị tiêu lệnh, nội quy để tuyên truyền, hướng dẫn nhân viên cách để phòng chống, ứng phó sự cố cháy, nổ.

+ Trang bị số lượng bình chữa cháy đúng theo quy định.

+ Trang bị máy bơm nước PCCC đúng quy định.

- Bố trí dây dẫn điện phù hợp công suất của thiết bị tiêu thụ điện; dây điện được đi trong ống nhựa, bảng điện được lắp đặt phù hợp tầm sử dụng. Chủ cơ sở phân công nhân viên thường xuyên kiểm tra ổ cắm điện và thay mới khi phát hiện có dấu hiệu hư hỏng nhằm hạn chế tối đa sự cố có thể xảy ra.

- Chủ cơ sở có xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố PCCC và thực hiện theo kế hoạch được duyệt.





**2. Giảm thiểu điện từ trường:** Điện từ trường phát sinh từ cơ sở có giá trị nhỏ, chủ yếu từ hoạt động sản xuất điện năng lượng mặt trời mái nhà.

- Tại tấm pin trên mái nhà là dòng điện 1 chiều nên không phát sinh điện từ trường; điện từ trường chỉ phát sinh tại khu vực trạm biến áp và đường dây dẫn nối vào đường dây 22kV.

- Chủ cơ sở kiểm tra trạm điện, đường dây, máy biến thế để đảm bảo không xảy ra rò rỉ điện từ trường vượt quá quy chuẩn cho phép.

- Chủ cơ sở bố trí khu vực trạm biến áp và đường dây dẫn nối vào đường dây 22kV cách khu vực làm việc của công nhân tại cơ sở tối thiểu 2 m, vị trí trạm điện được đặt trong phạm vi cơ sở. Thực hiện đúng theo quy định về khoảng cách an toàn phòng điện theo cấp điện áp. Nhằm hạn chế ảnh hưởng đến công nhân làm việc tại cơ sở.

- Chủ cơ sở bố trí các biển cảnh báo để nhân viên cơ sở tránh xa khu vực, đảm bảo khoảng cách an toàn về điện từ trường theo quy chuẩn hiện hành.

**3. Sự cố tràn dầu:** Khi máy biến áp bị hư thì chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại để xử lý máy biến áp bị hư và dầu trong máy biến áp, thay vào máy biến áp mới. Dầu cách nhiệt được chứa trong máy biến áp, nên không có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu do đó tại cơ sở không bố trí hồ thu dầu.

